

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 12: The Asian Games](#)
 1. [A. Reading trang 87 - 88 - 89 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 2. [B. Language Focus trang 90 - 91 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 3. [C. Speaking trang 91 - 92 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 4. [D. Writing trang 93 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 12: The Asian Games

A. Reading trang 87 - 88 - 89 SBT Tiếng Anh lớp 11

Part 1. Read the passage and choose the best option A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án chính xác nhất A, B, C hoặc D cho mỗi câu hỏi dưới đây.)

Hướng dẫn dịch:

Ngày nay, thể dục dụng cụ rất phổ biến ở Trung Quốc và một số nước châu Á khác. Thể dục dụng cụ hiện đại bắt đầu vào thế kỷ XIX. Vào năm 1811, một trung tâm thể dục ngoài trời dành cho **nam giới** được mở tại Berlin, nơi họ có thể tập thể dục thể hình và tập thể dục trên thanh cao và các thiết bị khác. Đồng thời, thể dục dụng cụ, không có thiết bị, đã được phát triển ở Thụy Điển như một chương trình bảo vệ cho các trường học.

Khiêu vũ là một phần quan trọng của chương trình đào tạo vì nó chuẩn bị cho bạn các loại phong trào yêu cầu trong thể dục dụng cụ. Một trong những mục đích là để làm cho cơ thể mạnh mẽ hơn cho những cú nhảy và lộn nhào và cho những di chuyển thăng bằng. Nó cũng giúp cơ thể uốn cong về phía **trước**, lùi và đi ngang, và cải thiện việc bảo vệ cơ thể. Trong các cuộc thi, phái nữ thực hiện một số bài tập của mình cùng với âm nhạc, do đó khiêu vũ, thể dục dụng cụ và âm nhạc đều được kết nối với nhau.

Để trở thành một vận động viên thể dục hàng đầu, điều quan trọng là phải bắt đầu khi còn rất trẻ. Trên thực tế, hầu hết các môn thể dục thể hình đều bắt đầu bằng những bài tập đơn giản trong khi vẫn còn ở mẫu giáo. Các bé gái đã tham gia thi đấu vào năm 10 tuổi, và huy chương Olympic thường giành được lúc 14 hay 15 tuổi.

Con trai phát triển về thể chất muộn hơn con gái và vì vậy các huy chương thể dục thể thao Olympic thường giành được bởi **nam giới** từ năm 19 và 25 tuổi. Một số thiết bị, ví dụ như vòng, đòi hỏi sức mạnh thể chất tuyệt vời và con trai cần phải phát triển cơ thể của họ đầy đủ **trước** khi thử những bài tập khó khăn như vậy.

Trong các cuộc thi, các vận động viên phải thực hiện trên các thiết bị khác nhau. Tất cả các vận động viên thực hiện trên sàn nhà và nhảy qua một "ngựa" với bốn chân. Họ phải chứng minh rằng họ có thể di chuyển gọn gàng và dễ dàng, giữ một vị trí ổn định, giữ thăng bằng của họ trong khi làm động tác chống tay, và nhảy lên xuống.

Chỉ có những người đàn ông biểu diễn trên vòng, trên thanh kép, trên thanh cao, và trên một loại "ngựa" với bốn chân có hai tay cầm cố định lên mặt trên cùng. Chỉ phụ nữ thực hiện trên các thanh cao và thấp, một trong số đó là cao hơn so với người kia, và "chùm", mà là một chiều dài của gỗ rộng chỉ có bốn inch được cố định ở độ cao 1,20 mét so với mặt đất. Cả đàn ông và phụ nữ đều tập thể dục trên sàn. Có một số biện pháp an toàn đơn giản để theo dõi trong khi đào tạo.

Nó luôn luôn quan trọng để làm việc với một giảng viên. Tự tập luyện một mình trong một phòng tập thể dục có thể rất nguy hiểm.

Hãy **chắc chắn** rằng bạn đã tháo đồng hồ, nhẫn hoặc dây chuyền **trước** khi bạn bắt đầu.

Mặc quần áo thật chắc mà không có dây buộc hoặc dây đai để nó không vướng vào được bất kỳ thiết bị nào.

Chăm sóc sức khỏe của bạn và không luyện tập nếu bạn không khỏe hoặc bị chấn thương.

Đáp án:

1. B 2. B 3. C 4. D 5. B 6. D 7. A

Part 2. Read the passage and choose the best option A, B, C or D to indicate the word that fits each of the numbered blanks. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án A, B, C hoặc D để chỉ ra từ phù hợp với các chỗ trống được đánh số.)

Hướng dẫn dịch:

Bơi lội: Chào buổi tối. Vâng, sự kiện quan trọng nhất hôm nay **chắc chắn** là bơi tự do 200m của nữ. Vận động viên người **Mỹ**, Doris Kennedy, là người đầu tiên có huy chương vàng. **Cô** đã bơi 200 mét trong thời gian kỷ lục thế giới mới là 1 phút 58 giây. **Hoa Kỳ** đã giành được hai huy chương vàng ngày hôm qua, và ba ngày **trước**, vì vậy trong ba ngày đầu họ đã giành được sáu huy chương "vàng".

Ném lao: Đây là Jack đến từ Canada. Sáng nay, anh đã giành chiến thắng cuối cùng của môn ném lao nam. Trong lần thử đầu tiên của mình, anh ấy đã ném cái lao vượt quá 100 mét. Không ai từng làm điều này **trước** đây. Thật không may mắn, có một tai nạn

khủng khiếp trong vụ va chạm. Henry Fraser, nhà thi đấu người Anh, trượt chân khi anh ném lao và gặp 1 chấn thương ở chân. Thật may mắn, anh ấy đã không bị đau.

Đáp án:

1. A 2. B 3. C 4. D

5. B 6. A 7. C 8. D

B. Language Focus trang 90 - 91 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Read aloud the dialogue, paying attention to the sounds /skr/ and /skw/.
(Đọc đoạn hội thoại **sau**, **chú** ý tới 3 các âm /skr/ và /skw/.)

Hướng dẫn dịch:

A: Nếu bạn thích tiếng ồn.

B: Tiếng ồn vào ban đêm.

A: ví dụ như tiếng chim kêu.

B: ví dụ như tiếng lợn kêu.

A: Tiếng cào và tiếng cãi lộn.

B: Tiếng lép nhép và tiếng quác quác.

A: Đây là nơi dành cho bạn.

B: Và nếu bạn thích những tiếng rít.

A: Tiếng rít và tiếng hét.

B: Oh, nếu bạn thích tiếng hét.

A: Bạn sẽ thích nó ở đây.

B: Bạn thích tiếng ồn chứ?

Exercise 2. Choose the best option A, B, C or D to indicate the correct sentence that combines each pair of given sentences. (Chọn đáp án thích hợp nhất A, B, C hoặc D để chọn ra câu đúng mà ghép 2 câu đã cho thành 1.)

Đáp án:

1. C 2. D 3. B 4. A 5. D 6. B 7. A

C. Speaking trang 91 - 92 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Choose the right answers from the box to the questions of the conversation between the doctor and Judy. (Chọn câu trả lời đúng trong khung ứng với mỗi câu hỏi trong đoạn hội thoại giữa bác sĩ và Judy.)

Hướng dẫn dịch:

Bác sĩ: Chào buổi sáng. Tôi có thể giúp gì cho **cô**?

Judy: Có vấn đề gì đó với vai trái của tôi. Tôi thấy nó đau trong khi tôi đang tập thể dục. Tôi cũng đau ở đây nữa.

Bác sĩ: Hãy để tôi nhìn vào vai bạn. Bạn đau chỗ nào?

Judy: Ở đây và ở đây. Và tôi chỉ có thể di chuyển cánh tay của tôi nhiều như thế này.

Bác sĩ: Mmm, tôi hiểu rồi. Có vẻ hơi căng thẳng. (Nhẹ nhàng di chuyển cánh tay và vai của **cô** ấy). Chính xác là có điều gì đã xảy ra vậy?

Judy: Tôi đang tập một số bài tập trên các thanh cao và thấp. Khi tôi nghỉ, tôi ngã ngựa và bị đau. Ai đó đang đứng quá gần và tôi va vào anh ta và ngã đập vai xuống.

Bác sĩ: Không có gì nghiêm trọng. Tôi nghĩ **cô** đã rất may mắn. **Cô** đã bao giờ sử dụng phương **pháp** điều trị tẩm vải nóng đậu nành đông lạnh chưa?

Judy: Đậu đông lạnh ư? Chưa hề ạ!

Bác sĩ: Nó khá đơn giản. **Cô** đặt một chiếc khăn nóng và ướt trên vai trong một phút. **Sau đó** đặt một gói đậu xanh đông lạnh lên vai trong một phút.

Judy: Để làm gì ạ?

Bác sĩ: Sự thay đổi giữa nhiệt độ nóng và lạnh làm cho máu di chuyển quanh vai và các bộ phận bị tổn thương bắt đầu tự hồi phục.

Judy: Điều đó nghe rất thú vị đấy! Tôi sẽ mua một ít đậu đông lạnh ở siêu thị trên đường về nhà.

Đáp án:

1. E 2. C 3. B 4. A 5. D

Exercise 2. Based on Exercise 1, practise talking about Judy's visit to the doctor. Use the following ideas: (Dựa vào bài tập, thực hành nói chuyện về cuộc gặp gỡ bác sĩ của Judy. Sử dụng các ý kiến **sau**:)

- What is wrong with Judy? (Có vấn đề gì với Judy?)
- What did the doctor ask her? (Bác sĩ đã hỏi **cô** ấy điều gì?)
- What happened to Judy exactly? (Điều gì đã xảy ra với Judy?)
- What did the doctor think of her injury? (Bác sĩ đã nghĩ như thế nào về chấn thương của **cô** ấy?)
- What treatment did the doctor suggest to Judy? (Bác sĩ gợi ý phương **pháp** điều trị nào cho Judy?)

D. Writing trang 93 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Finish each of the following sentences that combines the two sentences printed before it. (Hoàn thành các câu **sau** bằng cách kết hợp 2 mệnh đề được in **trước** đó.)

Example:

Where is the umbrella? I bought it yesterday.

Where is the umbrella (that) I bought yesterday?

Đáp án:

1. The play (that) we saw last Saturday was so boring.
2. The man (who/that) I sat next to on the plane talked all the time.
3. I like the dress (that) Jane is wearing.
3. Are these the shoes (that) you are looking for?
4. The manager (who/that) we wanted to see was away on holiday.

5. The house (that) my family used to live in was very old.

Hướng dẫn dịch:

1. Trận đấu **chúng** tôi thấy thứ bảy cuối cùng đã rất nhàm chán.
2. Người đàn ông mà tôi ngồi cạnh máy bay nói chuyện mọi lúc.
3. Tôi thích trang phục (mà) Jane đang mặc.
3. Những đôi giày (mà) bạn đang tìm kiếm?
4. Người quản lý (người đó) **chúng** tôi muốn thấy là đi nghỉ mát.
5. Ngôi nhà (mà) gia đình tôi từng sống rất cũ.

Exercise 2. Imagine you are a sports reporter. Write a short report on Hoang Thi Lan, a long jumper from Vietnam. Use the cues below: (Tưởng tượng bạn là 1 phóng viên thể thao. Viết 1 bài phóng sự ngắn về Hoàng Thị Lan, vận động viên nhảy xa của Việt Nam. Sử dụng các gợi ý **sau**:)

Bài mẫu:

Here is Hoang Thi Lan from Vietnam. This morning she won women's long jump final. At her first attempt she jumped over 7.2 metres. Nobody has ever done this before. She was the only woman who won the gold medal in this event for Vietnam.

Hướng dẫn dịch:

Đây là Hoàng Thị Lan đến từ Việt Nam. Sáng nay, **cô** đã chiến thắng trận chung kết nhảy dài của phụ nữ. Trong lần thử đầu tiên, **cô** đã nhảy lên hơn 7,2 mét. Không ai từng làm được điều này **trước** đây. **Cô** là người phụ nữ duy nhất đoạt huy chương vàng trong sự kiện này cho Việt Nam.